**A black background with colorful text

Description automatically generated**

**Trực quan dữ liệu với Tableau**

**BÁO CÁO**

**SVTH Nguyễn Đức Anh**

**TPHCM - 2024**

**MỤC LỤC**

Contents

[Đặt vấn đề về nền phát triển kinh tế của Việt Nam 2](#_Toc173356324)

[Những chỉ số kinh tế chính 2](#_Toc173356325)

[Thách thức và cơ hội 3](#_Toc173356326)

[Tầm quan trọng của việc phân tích dữ liệu 3](#_Toc173356327)

[Kết luận 3](#_Toc173356328)

[Nội Dung Báo Cáo 4](#_Toc173356329)

[1. Tăng trưởng GDP hàng năm (Annual GDP Growth) 4](#_Toc173356330)

[2. Lạm phát (Inflation Rate) 4](#_Toc173356331)

[3. Tỷ lệ Thất nghiệp (Unemployment Rate) 6](#_Toc173356332)

[4. Dòng vốn FDI (FDI Inflows) 7](#_Toc173356333)

[**5. Tăng trưởng Sản xuất Công nghiệp (Industrial Production Growth)** 8](#_Toc173356334)

[6. Xuất khẩu (Exports) 9](#_Toc173356335)

[7. Nhập khẩu (Imports) 10](#_Toc173356336)

[8. Cán cân Thương mại (Trade Balance) 11](#_Toc173356337)

[9. Chỉ số giá tiêu dùng (Consumer Price Index - CPI) 12](#_Toc173356338)

[10. Nợ công (Government Debt) 13](#_Toc173356339)

[Biểu đồ 11: So sánh tăng trưởng GDP và tỷ lệ lạm phát 14](#_Toc173356340)

[Biểu đồ 12: Tăng trưởng sản xuất công nghiệp và FDI 15](#_Toc173356341)

[Biểu đồ 13: So sánh xuất khẩu và nhập khẩu 16](#_Toc173356342)

[Biểu đồ 14: Tăng trưởng GDP so với Tỷ lệ thất nghiệp 17](#_Toc173356343)

[Biểu đồ 15: Tăng trưởng GDP so với Nợ công 18](#_Toc173356344)

[DashBoard 19](#_Toc173356345)

[Kết luận và đề xuất 19](#_Toc173356346)

# 

# Đặt vấn đề về nền phát triển kinh tế của Việt Nam

**Bối cảnh kinh tế Việt Nam từ 2015 đến 2021**

Trong khoảng thời gian từ 2015 đến 2021, Việt Nam đã trải qua một giai đoạn phát triển kinh tế mạnh mẽ, đánh dấu bằng sự tăng trưởng liên tục trong nhiều lĩnh vực. Với một nền kinh tế mở và ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, Việt Nam đã thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư nước ngoài (FDI) và trở thành một điểm đến hấp dẫn cho các nhà đầu tư toàn cầu.

# Những chỉ số kinh tế chính

1. **Tăng trưởng GDP:**
   * GDP của Việt Nam đã tăng trưởng liên tục trong giai đoạn này, phản ánh sự mở rộng kinh tế mạnh mẽ. Năm 2021, GDP đạt mức cao nhất, cho thấy nền kinh tế Việt Nam đang trên đà phát triển nhanh chóng.
2. **Lạm phát:**
   * Tỷ lệ lạm phát có sự biến động nhưng nhìn chung được kiểm soát trong mức an toàn, giúp duy trì sức mua của người dân và ổn định kinh tế.
3. **Tỷ lệ thất nghiệp:**
   * Tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức thấp, cho thấy sự ổn định của thị trường lao động và khả năng tạo việc làm của nền kinh tế.
4. **FDI:**
   * Dòng vốn FDI vào Việt Nam liên tục tăng, thể hiện sự tin tưởng của các nhà đầu tư quốc tế vào tiềm năng phát triển của Việt Nam. FDI đã đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm.
5. **Tăng trưởng công nghiệp:**
   * Ngành công nghiệp Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ, mặc dù có sự suy giảm tạm thời do đại dịch COVID-19. Sự hồi phục nhanh chóng vào năm 2021 cho thấy sức mạnh và tiềm năng của ngành này.
6. **Xuất nhập khẩu:**
   * Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam đã tăng đáng kể, với xuất khẩu luôn cao hơn nhập khẩu, giúp duy trì thặng dư thương mại và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

# Thách thức và cơ hội

Mặc dù đạt được nhiều thành tựu, Việt Nam cũng đối mặt với nhiều thách thức như:

* **Đại dịch COVID-19:** Đại dịch đã gây ra nhiều khó khăn cho nền kinh tế, đặc biệt là trong năm 2020.
* **Biến động kinh tế toàn cầu:** Sự thay đổi trong môi trường kinh tế và chính trị toàn cầu có thể ảnh hưởng đến hoạt động thương mại và đầu tư.
* **Lạm phát:** Kiểm soát lạm phát và duy trì ổn định giá cả là một nhiệm vụ quan trọng để bảo đảm sức mua của người dân.

# Tầm quan trọng của việc phân tích dữ liệu

Để hiểu rõ hơn về tình hình kinh tế và đưa ra các quyết định đầu tư chính xác, việc thu thập và phân tích dữ liệu tài chính là rất cần thiết. Các biểu đồ tài chính giúp làm rõ các xu hướng và biến động trong nền kinh tế, từ đó cung cấp cơ sở cho việc lập kế hoạch và điều chỉnh chiến lược kinh doanh.

**Mục tiêu của phân tích**

* **Xác định các xu hướng chính:** Tìm hiểu các xu hướng quan trọng trong các chỉ số kinh tế như GDP, lạm phát, thất nghiệp, FDI, tăng trưởng công nghiệp, và xuất nhập khẩu.
* **Đánh giá tác động của các yếu tố:** Đánh giá tác động của các yếu tố kinh tế trong nước và quốc tế đến nền kinh tế Việt Nam.
* **Đưa ra khuyến nghị:** Đưa ra các khuyến nghị về chính sách và chiến lược để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững và thu hút đầu tư.

# Kết luận

Phân tích tình hình kinh tế Việt Nam từ 2015 đến 2021 cho thấy sự phát triển đáng kể và tiềm năng mạnh mẽ của nền kinh tế. Tuy nhiên, cũng cần phải lưu ý đến các thách thức và rủi ro để có các biện pháp đối phó kịp thời và hiệu quả. Việc sử dụng các công cụ phân tích dữ liệu như Tableau sẽ giúp các nhà đầu tư và nhà hoạch định chính sách có cái nhìn toàn diện và sâu sắc hơn về nền kinh tế, từ đó đưa ra các quyết định chính xác và hiệu quả.

# Nội Dung Báo Cáo

# 1. Tăng trưởng GDP hàng năm (Annual GDP Growth)

* **Biểu đồ**: Biểu đồ đường thể hiện tăng trưởng GDP hàng năm của các quốc gia.

A graph of different colored lines

Description automatically generated

**Phân tích:**

* **Việt Nam**: Tăng trưởng GDP ổn định nhưng giảm dần từ 2015 đến 2021.
* **So sánh**: Trong những năm trước đại dịch, Việt Nam có tốc độ tăng trưởng GDP cao hơn các nước khác trừ Singapore. Tăng trưởng giảm mạnh vào năm 2020 do đại dịch, nhưng hồi phục vào năm 2021.
* **Nhận xét**: Việt Nam có sự ổn định trong tăng trưởng GDP trước đại dịch và có khả năng phục hồi tốt sau khủng hoảng.

# 2. Lạm phát (Inflation Rate)

* **Biểu đồ**: Biểu đồ đường thể hiện tỷ lệ lạm phát.

A graph of different colored lines

Description automatically generated

**Phân tích:**

* **Việt Nam**: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam tương đối ổn định và thấp so với các nước khác trong khu vực, đặc biệt là từ 2018 đến 2021.
* **So sánh**: So với Indonesia và Malaysia, Việt Nam có tỷ lệ lạm phát thấp hơn. Singapore có tỷ lệ lạm phát thấp nhất trong khu vực.
* **Nhận xét**: Mức lạm phát ổn định có thể tạo điều kiện thuận lợi cho môi trường đầu tư tại Việt Nam.

# 3. Tỷ lệ Thất nghiệp (Unemployment Rate)

* **Biểu đồ**: Biểu đồ đường thể hiện tỷ lệ thất nghiệp hàng năm.

A graph of a graph

Description automatically generated with medium confidence

**Phân tích:**

* **Việt Nam**: Tỷ lệ thất nghiệp của Việt Nam thấp và ổn định trong giai đoạn trước đại dịch, nhưng có sự gia tăng vào năm 2020 và 2021.
* **So sánh**: Việt Nam có tỷ lệ thất nghiệp thấp hơn so với Indonesia và Malaysia nhưng cao hơn so với Singapore.
* **Nhận xét**: Việt Nam cần tiếp tục các chính sách hỗ trợ việc làm, đặc biệt trong bối cảnh phục hồi kinh tế sau đại dịch.

# 4. Dòng vốn FDI (FDI Inflows)

* **Biểu đồ**: Biểu đồ cột thể hiện lượng vốn FDI vào các quốc gia.

A graph of a graph

Description automatically generated with medium confidence

**Phân tích:**

* **Việt Nam**: Dòng vốn FDI tăng liên tục trước đại dịch, giảm nhẹ trong năm 2020 và hồi phục vào năm 2021.
* **So sánh**: Việt Nam nhận được lượng FDI thấp hơn Singapore nhưng cao hơn Malaysia. Sự giảm nhẹ vào năm 2020 là do ảnh hưởng của đại dịch.
* **Nhận xét**: Mặc dù có sự giảm trong năm 2020, Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn cho đầu tư nước ngoài.

# **5. Tăng trưởng Sản xuất Công nghiệp (Industrial Production Growth)**

* **Biểu đồ**: Biểu đồ đường thể hiện tăng trưởng sản xuất công nghiệp.

A graph of different colored lines

Description automatically generated

**Phân tích:**

* **Việt Nam**: Tăng trưởng sản xuất công nghiệp cao trong các năm trước đại dịch, giảm mạnh vào năm 2020 và hồi phục vào năm 2021.
* **So sánh**: Việt Nam có mức tăng trưởng sản xuất công nghiệp cao hơn so với các quốc gia khác trừ Singapore trước đại dịch.
* **Nhận xét**: Sản xuất công nghiệp của Việt Nam có tiềm năng lớn và có thể phục hồi nhanh chóng sau đại dịch.

# 6. Xuất khẩu (Exports)

* **Biểu đồ**: Biểu đồ cột thể hiện khối lượng xuất khẩu hàng năm.

A graph of different colored lines

Description automatically generated with medium confidence

**Phân tích:**

* **Việt Nam**: Xuất khẩu tăng mạnh từ 2015 đến 2021, cho thấy sức mạnh cạnh tranh của nền kinh tế.
* **So sánh**: Việt Nam có khối lượng xuất khẩu thấp hơn so với Singapore nhưng cao hơn so với Malaysia và Thailand.
* **Nhận xét**: Xuất khẩu của Việt Nam đang trên đà tăng trưởng mạnh, điều này có thể hỗ trợ sự phát triển kinh tế.

# 7. Nhập khẩu (Imports)

* **Biểu đồ**: Biểu đồ cột thể hiện khối lượng nhập khẩu hàng năm.

A graph of different colored lines

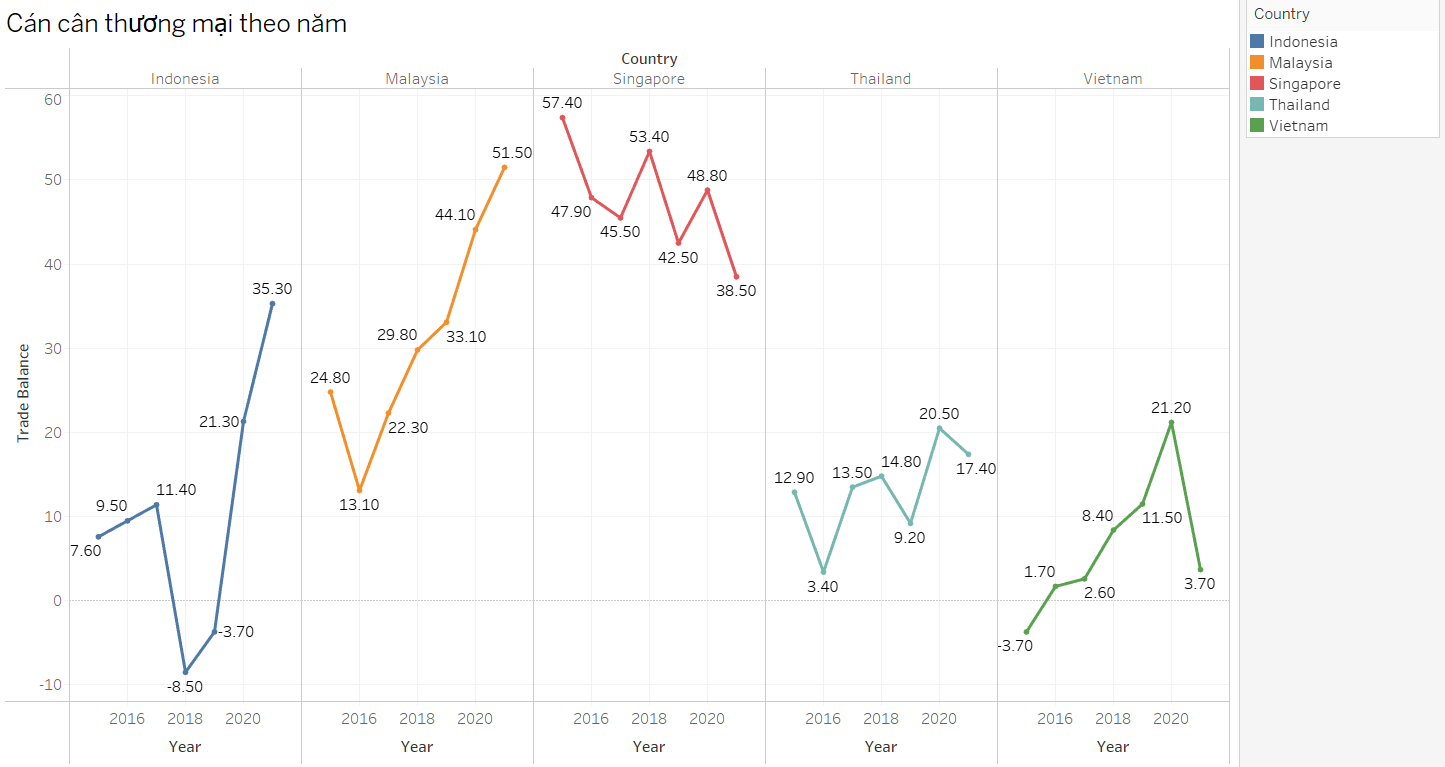
Description automatically generated

**Phân tích:**

* **Việt Nam**: Nhập khẩu tăng liên tục nhưng tốc độ tăng trưởng chậm hơn so với xuất khẩu, dẫn đến cải thiện cán cân thương mại.
* **So sánh**: Nhập khẩu của Việt Nam thấp hơn so với Singapore và cao hơn so với Malaysia.
* **Nhận xét**: Tăng trưởng nhập khẩu của Việt Nam phản ánh nhu cầu trong nước và sự gia tăng hoạt động kinh tế.

# 8. Cán cân Thương mại (Trade Balance)

* **Biểu đồ**: Biểu đồ đường thể hiện cán cân thương mại hàng năm.



**Phân tích:**

* **Việt Nam**: Cán cân thương mại tích cực, với sự gia tăng trong các năm gần đây.
* **So sánh**: Cán cân thương mại của Việt Nam thấp hơn so với Thailand và Malaysia nhưng cải thiện mạnh trong năm 2020 và 2021.
* **Nhận xét**: Cán cân thương mại tích cực cho thấy sức cạnh tranh và khả năng xuất khẩu của Việt Nam đang tốt lên.

# 9. Chỉ số giá tiêu dùng (Consumer Price Index - CPI)

* **Biểu đồ**: Biểu đồ đường thể hiện chỉ số giá tiêu dùng.

A graph on a white background

Description automatically generated

**Phân tích:**

* **Việt Nam**: CPI tăng ổn định từ 2015 đến 2021, phản ánh sự gia tăng mức giá tiêu dùng.
* **So sánh**: CPI của Việt Nam thấp hơn so với Singapore nhưng cao hơn so với Thailand và Malaysia.
* **Nhận xét**: CPI tăng cho thấy chi phí sinh hoạt đang tăng, điều này có thể ảnh hưởng đến tiêu dùng và đầu tư.

# 10. Nợ công (Government Debt)

* **Biểu đồ**: Biểu đồ cột thể hiện tỷ lệ nợ công.

A graph of different colored lines

Description automatically generated

**Phân tích:**

* **Việt Nam**: Tỷ lệ nợ công cao trong suốt thời gian, với sự gia tăng vào năm 2020 và 2021.
* **So sánh**: Nợ công của Việt Nam cao hơn so với Thailand nhưng thấp hơn so với Singapore.
* **Nhận xét**: Tỷ lệ nợ công cần được theo dõi và quản lý để đảm bảo ổn định tài chính lâu dài

# Biểu đồ 11: So sánh tăng trưởng GDP và tỷ lệ lạm phát

**A graph with red and blue lines

Description automatically generated**

**Mô tả:** Biểu đồ này cho thấy mối tương quan giữa tăng trưởng GDP và tỷ lệ lạm phát của Việt Nam.

* **Phân tích:** Tăng trưởng GDP và tỷ lệ lạm phát của Việt Nam có mối quan hệ ngược chiều nhau trong một số năm.
* **So sánh:** Việt Nam duy trì được tăng trưởng GDP cao và tỷ lệ lạm phát thấp hơn so với các nước lân cận như Thái Lan.

# Biểu đồ 12: Tăng trưởng sản xuất công nghiệp và FDI

**A graph with blue and orange lines

Description automatically generated**

**Mô tả:** Biểu đồ này cho thấy mối tương quan giữa tăng trưởng sản xuất công nghiệp và dòng vốn FDI của Việt Nam.

* **Phân tích:** Tăng trưởng sản xuất công nghiệp và FDI có mối quan hệ chặt chẽ, với FDI tăng dẫn đến tăng trưởng sản xuất công nghiệp.
* **So sánh:** Việt Nam thu hút FDI và phát triển công nghiệp tốt hơn so với các nước lân cận như ThaiLands.

# Biểu đồ 13: So sánh xuất khẩu và nhập khẩu

**A graph with blue and red lines

Description automatically generated**

**Mô tả:** Biểu đồ này so sánh giá trị xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam.

* **Phân tích:** Việt Nam có xu hướng xuất khẩu nhiều hơn nhập khẩu từ năm 2018 đến 2021.
* **So sánh:** Việt Nam có cán cân thương mại tích cực hơn so với các nước lân cận như ThaiLand.

# Biểu đồ 14: Tăng trưởng GDP so với Tỷ lệ thất nghiệp

**A graph with red squares

Description automatically generated**

**Mô tả:** Biểu đồ này cho thấy mối tương quan giữa tăng trưởng GDP và tỷ lệ thất nghiệp của Việt Nam.

* **Phân tích:** Tăng trưởng GDP và tỷ lệ thất nghiệp có mối quan hệ ngược chiều nhau, khi GDP tăng thì tỷ lệ thất nghiệp giảm.
* **So sánh:** Tỷ lệ thất nghiệp của Việt Nam thấp hơn so với các nước lân cận như Malaysia.

# Biểu đồ 15: Tăng trưởng GDP so với Nợ công

**A graph with red and blue lines

Description automatically generated**

**Mô tả:** Biểu đồ này cho thấy mối tương quan giữa tăng trưởng GDP và tỷ lệ nợ công của Việt Nam.

* **Phân tích:** Việt Nam duy trì tăng trưởng GDP cao trong khi giảm tỷ lệ nợ công.
* **So sánh:** Tỷ lệ nợ công của Việt Nam thấp hơn và ổn định hơn so với các nước lân cận như Singapho.

# DashBoard

A screenshot of a graph

Description automatically generated

A screenshot of a graph

Description automatically generated

# Kết luận và đề xuất

**Đề xuất lĩnh vực đầu tư**

1. **Công nghiệp chế biến và chế tạo:** Việt Nam có tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp cao và dòng vốn FDI mạnh mẽ.
2. **Xuất khẩu:** Việt Nam có mức tăng trưởng xuất khẩu cao và cán cân thương mại tích cực.
3. **Công nghệ thông tin:** Với sự phát triển nhanh chóng của ngành CNTT, đây là một lĩnh vực tiềm năng để đầu tư.

**Đề xuất lĩnh vực chưa nên đầu tư**

1. **Bất động sản:** Tỷ lệ lạm phát cao và bất ổn kinh tế có thể ảnh hưởng đến giá trị bất động sản.
2. **Ngành dịch vụ không thiết yếu:** Các ngành dịch vụ không thiết yếu có thể bị ảnh hưởng nhiều bởi các biến động kinh tế và dịch bệnh.